

Số: 14 /TB-STNMT

Bắc Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

**Diện tích đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở (đợt 1)
Khu đô thị mới HH3 thuộc dự án Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 703/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu đô thị mới HH3 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang; số 427/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư; số 892/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất (đợt 1) cho Liên danh Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Đô thị Quốc tế và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ (Liên danh VISC - IUDT - PHUMY) để thực hiện dự án: Khu đô thị mới HH3 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án: Khu đô thị mới HH3 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Bắc Giang: số 3072/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực lô đất HH7, thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500); số 626/QĐ-UBND ngày 01/06/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực lô đất HH7, thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh về việc quy định khu vực được thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền cho người dân tự xây dựng nhà ở tại dự án Khu đô thị mới HH3, thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang.



Căn cứ Thông báo số 581/TB-SXD ngày 29/12/2023 của Sở Xây dựng về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND thành phố Bắc Giang về việc phê duyệt thiết kế mẫu nhà ở thuộc dự án khu đô thị mới HH3 thuộc khu đô thị mới HH3;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 15/01/2024 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các đơn vị: Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Giang, phòng Quản lý đô thị thành phố Bắc Giang, Đơn vị tư vấn giám sát, Liên danh Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Đô thị Quốc tế và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ (Liên danh VISC - IUDT - PHUMY)

Xét đề nghị của Liên danh Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Đô thị Quốc tế và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ (Liên danh VISC - IUDT - PHUMY) tại Văn bản số 11/2024/CV-VISC ngày 11/01/2024 về việc đề nghị kiểm tra dự án, thông báo đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở đối với dự án: Khu đô thị mới HH3 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang.

Từ những cơ sở trên, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo các lô đất đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, cụ thể như sau:

1. Liên danh Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Đô thị Quốc tế và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ (Liên danh VISC - IUDT - PHUMY) đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở (đợt 1) đối với **78 (Bảy mươi tám)** lô đất, tương ứng diện tích **6.723,0 m² (Sáu nghìn bảy trăm hai mươi ba mét vuông)** đất tại dự án Khu đô thị mới HH3 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (Có bảng tổng hợp chi tiết số lô, diện tích kèm theo)

2. Yêu cầu Liên danh Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Đô thị Quốc tế và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ (Liên danh VISC - IUDT - PHUMY):

- Chỉ được ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi các tài sản là quyền sử dụng đất trong thời gian được phép chuyển nhượng và không thể chấp, tín chấp tại các tổ chức tín dụng.

- Không được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở chưa được xác nhận điều kiện chuyển nhượng theo quy định

- Bàn giao các hạng mục công trình của dự án đã hoàn thành cho UBND thành phố Bắc Giang để quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định.

3. Đề nghị UBND thành phố Bắc Giang theo chức năng, nhiệm vụ:

- Chỉ đạo phòng, ban chuyên môn có liên quan, UBND xã Tân Tiến tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện dự án của chủ đầu tư.

Kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh (nếu có) theo thẩm quyền;

- Việc cấp phép xây dựng nhà ở cho người dân phải tuân thủ theo các mẫu thiết kế nhà ở, quy chế quản lý kiến trúc; chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, giám sát việc người dân xây dựng nhà ở tại dự án đảm bảo đúng theo mẫu thiết kế nhà ở, thiết kế đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4952/UBND-KTN ngày 06/10/2022.

4. Căn cứ Khoản 2 Điều 72 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ*) Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo đăng tải công khai nội dung thông báo này trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Liên danh VISC - IUDT – PHUMY;
- UBND tỉnh (B/c);
- Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Xây dựng, KH&ĐT (P/h);
- Cục Thuế tỉnh (p/h);
- UBND thành phố Bắc Giang; (p/h);
- LDS;
- Phòng QLDD, VPĐKDD tỉnh;
- Chi nhánh VPĐKDD thành phố Bắc Giang;
- Trung tâm thông tin - VP UBND tỉnh (*đăng công khai*);
- Trung tâm Lưu trữ và PTQĐ tỉnh (*đăng công khai trên trang thông tin của Sở*).
- UBND xã Tân Tiến;
- Phòng QLDD (Thắng, Thảo);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Huy





DANH SÁCH THỐNG KÊ SỐ TỜ, SỐ THỪA, DIỆN TÍCH, SỐ GIẤY
Dự án: Khu đô thị mới HH3 thuộc Khu đô thị phía Nam, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang
(Kèm theo Thông báo số 14/TB-STNMT ngày 18/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Số thứ tự	Theo Quy hoạch phân lô		Theo Bản đồ đo đạc chính lý		Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Số seri GCN	Ghi chú
	Phân lô	Số lô	Số tờ	Số thửa					
1	LK-01	LK-01.01	32	999	90,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061514	
2	LK-01	LK-01.02	32	1002	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061515	
3	LK-01	LK-01.03	32	1005	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061516	
4	LK-01	LK-01.04	32	987	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061517	
5	LK-01	LK-01.05	32	983	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061518	
6	LK-01	LK-01.06	32	978	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061519	
7	LK-01	LK-01.07	32	973	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061520	
8	LK-01	LK-01.08	32	962	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061521	
9	LK-01	LK-01.09	32	966	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061522	
10	LK-01	LK-01.10	32	968	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061523	
11	LK-01	LK-01.11	32	970	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061524	
12	LK-01	LK-01.12	32	972	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061525	
13	LK-01	LK-01.13	32	958	88,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061526	
14	LK-01	LK-01.14	32	956	113,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061527	
15	LK-02	LK-02.01	32	1030	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061528	
16	LK-02	LK-02.02	32	1032	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061529	
17	LK-02	LK-02.03	32	1034	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061530	
18	LK-02	LK-02.04	32	1036	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061531	
19	LK-02	LK-02.05	32	1022	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061532	
20	LK-02	LK-02.06	32	1019	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061533	
21	LK-02	LK-02.07	32	1015	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061534	
22	LK-02	LK-02.08	32	1012	106,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061535	
23	LK-03	LK-03.01	32	1047	108,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061536	
24	LK-03	LK-03.02	32	1048	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061537	
25	LK-03	LK-03.03	32	1046	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061538	
26	LK-03	LK-03.04	32	1045	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061539	
27	LK-03	LK-03.05	32	1043	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061540	
28	LK-03	LK-03.06	32	1041	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061541	
29	LK-03	LK-03.07	32	1038	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061542	
30	LK-03	LK-03.08	32	1026	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061543	
31	LK-03	LK-03.09	32	1028	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061544	
32	LK-04	LK-04.01	32	1035	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061545	
33	LK-04	LK-04.02	32	1033	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061546	
34	LK-04	LK-04.03	32	1031	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061547	
35	LK-04	LK-04.04	32	1029	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061548	
36	LK-04	LK-04.05	32	1027	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061549	
37	LK-04	LK-04.06	32	1037	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061550	
38	LK-04	LK-04.07	32	1039	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061551	
39	LK-04	LK-04.08	32	1042	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061552	
40	LK-04	LK-04.09	32	1044	109,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061553	
41	LK-05	LK-05.01	32	996	106,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061554	
42	LK-05	LK-05.02	32	993	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061555	
43	LK-05	LK-05.03	32	1006	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061556	
44	LK-05	LK-05.04	32	1009	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061557	
45	LK-05	LK-05.05	32	1014	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061558	
46	LK-05	LK-05.06	32	1017	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061559	
47	LK-05	LK-05.07	32	1021	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061560	
48	LK-05	LK-05.08	32	1025	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061561	
49	LK-06	LK-06.01	32	997	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061562	
50	LK-06	LK-06.02	32	1000	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061563	
51	LK-06	LK-06.03	32	1003	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061564	
52	LK-06	LK-06.04	32	990	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061565	
53	LK-06	LK-06.05	32	986	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061566	
54	LK-06	LK-06.06	32	984	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061567	

55	LK-06	LK-06.07	32	979	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061568	
56	LK-06	LK-06.08	32	975	101,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061569	
57	LK-07	Lk-07.01	32	1024	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061570	
58	LK-07	Lk-07.02	32	1020	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061571	
59	LK-07	Lk-07.03	32	1016	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061572	
60	LK-07	Lk-07.04	32	1013	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061573	
61	LK-07	Lk-07.05	32	1008	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061574	
62	LK-07	Lk-07.06	32	991	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061575	
63	LK-07	Lk-07.07	32	994	81,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061576	
64	LK-08	LK-08.01	32	1004	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061577	
65	LK-08	LK-08.02	32	1001	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061578	
66	LK-08	LK-08.03	32	998	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061579	
67	LK-08	LK-08.04	32	995	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061580	
68	LK-08	LK-08.05	32	992	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061581	
69	LK-08	LK-08.06	32	1007	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061582	
70	LK-08	LK-08.07	32	1010	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061583	
71	LK-09	Lk-09.01	32	967	104,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061584	
72	LK-09	Lk-09.02	32	963	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061585	
73	LK-09	Lk-09.03	32	961	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061586	
74	LK-09	Lk-09.04	32	974	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061587	
75	LK-09	Lk-09.05	32	977	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061588	
76	LK-09	Lk-09.06	32	980	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061589	
77	LK-09	Lk-09.07	32	985	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061590	
78	LK-09	Lk-09.08	32	988	84,0	Đất ở tại đô thị	Đến ngày 11/8/2070	DM 061591	
Tổng cộng				6.723,0					